

**QUYẾT ĐỊNH số 139/2000/QĐ-BNN-KHCN ngày 19/12/2000 về việc ban hành Tiêu chuẩn ngành.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08/12/1995 của Chính phủ quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa;*

*Căn cứ đề nghị của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam - Viện Kinh tế kỹ thuật thuốc lá số 281/VTL ngày 29/11/2000;*

*Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành tiêu chuẩn ngành Quy phạm khảo nghiệm giống thuốc lá.

**Điều 2.** Tiêu chuẩn có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Viện trưởng Viện Kinh tế kỹ thuật thuốc lá, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và  
Phát triển nông thôn  
Thứ trưởng**

**NGÔ THẾ DÂN**

**TIÊU CHUẨN NGÀNH 10TCN 426-2000**

**QUY PHẠM khảo nghiệm giống thuốc  
lá**

*The testing procedures of tobacco varieties*

**1. Quy định chung:**

1.1. Quy phạm này quy định những nguyên tắc chung, nội dung và phương pháp chủ yếu khảo nghiệm quốc gia các giống thuốc lá được chọn tạo trong nước và nhập nội.

1.2. Các tổ chức, cá nhân có giống thuốc lá khảo nghiệm và cơ quan khảo nghiệm phải thực hiện đúng Nghị định số 07/CP ngày 05/2/1996 của Chính phủ về quản lý giống cây trồng và Thông tư số 02/NN-KNKL-TT ngày 01/3/1997 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định.

**2. Phương pháp khảo nghiệm:**

**2.1. Các bước khảo nghiệm.**

**2.1.1. Khảo nghiệm cơ bản:**

Cần được tiến hành 2-3 vụ và được khảo nghiệm ở 2 - 3 vùng sinh thái khác nhau, trong đó ít nhất có 2 vụ chính của vùng khảo nghiệm.

**2.1.2. Khảo nghiệm sản xuất:**

Cần được tiến hành 2 vụ chính đối với giống thuốc lá có triển vọng và đã được khảo nghiệm cơ bản ít nhất là một vụ. Khảo nghiệm sản xuất cũng được tiến hành ở 2 - 3 vùng sinh thái khác nhau.

**2.2. Bố trí thí nghiệm:**

**2.2.1. Khảo nghiệm cơ bản:**

- Thí nghiệm được bố trí theo khối ngẫu nhiên, được nhắc lại ít nhất là 3 lần, có dải bảo vệ xung quanh.

09660339  
LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

+ Kích thước ô thí nghiệm: 30 - 50m<sup>2</sup>.

+ Khoảng cách rãnh giữa các luống là 40cm.

- Giống đối chứng là giống đã được công nhận giống quốc gia, hoặc giống được gieo trồng phổ biến ở địa phương.

### 2.2.2. Khảo nghiệm sản xuất:

- Diện tích: Mỗi giống ít nhất là 1000 m<sup>2</sup>, không cần nhắc lại.

- Giống đối chứng: Như giống trong khảo nghiệm cơ bản.

### 2.2.3. Chất lượng giống khảo nghiệm:

Loại giống	Khảo nghiệm cơ bản		Khảo nghiệm sản xuất	
	Giống khảo nghiệm	Giống đối chứng	Giống khảo nghiệm	Giống đối chứng
Giống thuần	Giống tác giả	Giống nguyên chủng hoặc tương đương nguyên chủng	Giống tác giả	Giống xác nhận
Giống lai	Hạt lai	Giống nguyên chủng, tương đương nguyên chủng hoặc hạt lai	Hạt lai	Giống xác nhận hoặc hạt lai

## 2.3. Quy trình kỹ thuật:

### 2.3.1. Thời vụ:

Thời gian gieo hạt và trồng cây thuốc lá theo khung thời vụ tốt nhất của địa phương nơi khảo nghiệm.

### 2.3.2. Đất khảo nghiệm và kỹ thuật làm đất.

- Đất có thành phần cơ giới nhẹ, pH<sub>KCl</sub> = 5,8 - 7.

- Đất phải đại diện cho vùng được khảo nghiệm, đất thoát nước tốt, không bị ngập nước khi mưa.

- Đất có độ phì đồng đều, bằng phẳng và đủ kích thước để bố trí thí nghiệm.

- Đất vụ trước không được trồng cây họ cà, dưa chuột.

- Đất được cày lần 1 trước khi trồng từ 3 - 4 tuần với độ sâu 25 - 30cm. Cày lần 2 trước khi trồng một tuần, bừa kỹ, nhặt cỏ, san phẳng ruộng, kết hợp bón vôi khi pH<sub>KCl</sub> < 5,8.

- Lên luống cao 25 - 30cm, mặt luống rộng từ 30 - 35cm, đào hốc có đường kính từ 15 - 20cm, sâu 10 - 12cm.

### 2.3.3. Mật độ, khoảng cách:

- Mật độ: 17.000 - 18.000 cây/ha.

- Khoảng cách:

+ Hàng cách hàng 1,0 - 1,1.

+ Cây cách cây: 0,55m.

### 2.3.4. Phân bón:

- Lượng phân bón cho 1 ha: 60 - 80 kg N, 90 - 140kg P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, 120 - 250 kg K<sub>2</sub>O và bón 500 - 1000 kg vôi nếu pH<sub>KCl</sub> đất < 5,8.

- Dạng phân thương phẩm dùng bón cho thuốc lá là các dạng phân không chứa gốc Clo, nên dùng các dạng phân như sau: NH<sub>4</sub>NO<sub>3</sub>, Supe lân, K<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>,....Bón bổ sung một số phân trung lượng và vi lượng như: Bo, Mg, Cu, Zn. Nếu cây có triệu chứng thiếu Bo, bón bổ sung Bo dạng Borax với lượng 2kg cho 1 ha.

- Cách bón:

+ Bón lót toàn bộ phân lân trước hoặc ngay khi trồng. Nếu sử dụng phân lân khó tiêu, bón vào lúc cày đất.

+ Bón thúc lần 1: Bón 1/3 lượng phân đạm cùng 1/3 lượng phân kali sau khi trồng từ 7 - 10 ngày.

+ Bón thúc lần 2: Bón 2/3 lượng phân đạm cùng 2/3 lượng phân kali còn lại sau khi trồng từ 25 - 30 ngày.

### 2.3.5. Chăm sóc:

- Vườn ươm: áp dụng mọi biện pháp kỹ thuật

hợp lý để có cây con tốt, cứng cây, sạch sâu bệnh và đủ lượng cây để trồng (Phụ lục 1: kỹ thuật làm vườn ươm).

**- Ruộng trồng:**

+ Trồng cây khi đất đủ ẩm (độ ẩm lúc trồng đảm bảo từ 75 - 80% độ ẩm tối đa đồng ruộng). Nếu đất thiếu ẩm phải tưới 2 lít nước cho 1 hốc trước khi trồng. Sau khi trồng 2 - 3 ngày cần tưới nước vào hốc cho cây. Sau trồng từ 20 - 21 ngày có thể tưới rãnh, tưới ngập 2/3 rãnh và rút nước ngay. Sau đó tưới định kỳ 6 - 7 ngày một lần cho đến khi lá giữa chuyển sang giai đoạn chín mới giảm dần lượng nước tưới (việc tưới nước phụ thuộc vào độ ẩm đất).

+ Các lần bón phân kết hợp làm cỏ, xới xáo. Vun cao luống vào lần bón thúc thứ hai.

**2.3.6. Ngắt ngọn, triệt chồi:**

- Ngắt ngọn khi cây bắt đầu nở hoa, để lại mỗi cây từ 18 - 22 lá thu hoạch.

- Triệt chồi nách triệt để bằng tay hoặc bằng thuốc diệt chồi. Nếu dùng Accotab, pha 8 - 12cc thuốc trong 1 lít nước, dùng 15 - 20cc cho mỗi cây và dùng 4 - 6 lít thuốc cho 1 ha.

**2.3.7. Phòng trừ sâu bệnh:**

Chỉ phòng trừ sâu bệnh khi đến ngưỡng cần phải phòng trừ và theo hướng dẫn chung của ngành bảo vệ thực vật.

**2.3.8. Thu hoạch:**

- Thu hoạch lần đầu khi lá đạt độ chín kỹ thuật (khoảng 50-60 ngày sau khi trồng).

- Lá chín kỹ thuật: Khi lá chuyển từ màu xanh sang ửng vàng hoặc vàng, mặt lá bóng mịn, gân lá từ màu xanh chuyển sang màu trắng sữa, góc đóng lá so với thân chính lớn hơn 90°, tiến hành thu hoạch lá. Thu lá vào buổi sáng hoặc lúc trời mát, lá thu hoạch xong để vào bóng mát, tránh chất đóng và để ngoài nắng.

**2.3.9. Sấy lá thuốc.**

Phân loại lá theo độ chín, ghim lá vào sào và đưa vào lò sấy. Sấy lá thuốc theo đúng quy trình kỹ thuật do Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam ban hành.

**3. Chỉ tiêu và phương pháp theo dõi.**

**3.1. Khảo nghiệm cơ bản:**

**3.1.1. Đặc điểm về hình thái.**

- Dạng cây;
- Dạng lá;
- Màu sắc lá, mặt lá, tai lá;
- Dạng hoa, màu sắc hoa;
- Độ thuần của giống (tỷ lệ cây khác dạng).

(Theo quy định về các chỉ tiêu và phương pháp theo dõi thí nghiệm đồng ruộng với cây thuốc lá của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam ban hành tháng 11 năm 1999).

**3.1.2. Sinh trưởng và phát triển:**

- Tốc độ ra lá (lá/ngày);
- Tốc độ phát triển chiều cao cây (cm/ngày);
- Thời gian từ trồng đến 10% cây ra nụ (ngày);
- Thời gian từ trồng đến 90% cây ra nụ (ngày);
- Thời gian từ trồng đến thu hoạch lá đầu tiên (ngày);
- Thời gian từ trồng đến lần thu hoạch lá cuối cùng (ngày);
- Chiều cao cây (cm);
- Chiều cao cây ngắt ngọn (cm);
- Đường kính thân cách gốc 20cm (cm);
- Tổng số lá trên cây (lá);
- Số lá kinh tế trên cây (lá);
- Độ dài lông (cm).

(Theo quy định về các chỉ tiêu và phương pháp

theo dõi thí nghiệm đồng ruộng với cây thuốc lá của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam ban hành tháng 11 năm 1999).

### 3.1.3. Mức độ nhiễm một số sâu bệnh hại.

Đánh giá mức độ nhiễm một số sâu bệnh hại chính sau:

- Sâu: Sâu xanh (*Helicoverpa assulta*), sâu khoang (*Spodoptera litura*).

- Bệnh khảm (*Tobacco mosaic virus*).

- Bệnh xoắn lá (*Tobacco leaf curl virus*).

- Bệnh héo rũ vi khuẩn (*Ralstonia solanacearum*).

- Phương pháp tính tỷ lệ bệnh, cấp bệnh theo phụ lục 2.

### 3.1.4. Khả năng thích ứng với các điều kiện bất lợi.

- Ra hoa: Sớm, trung bình, muộn (trong điều kiện tự nhiên):

+ Ra hoa sớm: 10% số cây ra hoa trước 55 ngày sau khi trồng.

+ Ra hoa trung bình: 10% số cây ra hoa từ 55-70 ngày sau khi trồng.

+ Ra hoa muộn: 10% số cây ra hoa sau 70 ngày sau khi trồng.

- Chống đổ: Tốt, khá, trung bình, kém.

+ Tốt: Tất cả các cây không bị đổ.

+ Khá:  $\geq 50\%$  số cây bị nghiêng nhẹ.

+ Trung bình:  $\geq 70\%$  số cây bị nghiêng  $30^\circ$  so với chiều thẳng đứng.

+ Kém:  $\geq 70\%$  số cây bị nghiêng  $45^\circ$  so với chiều thẳng đứng.

### 3.1.5. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất:

- Số cây thực thu trên ô (cây).

- Số lá kinh tế trên cây (lá).

- Khối lượng trung bình lá (g).

- Khối lượng lá tươi, khô mỗi ô (kg).

- Năng suất (tạ/ha).

- Tỷ lệ khối lượng tươi/khô của lá.

### 3.1.6. Chất lượng thuốc lá:

- Cấp loại lá thuốc sấy theo vị bộ (%) (xem phụ lục 3).

- Tỷ lệ gân cuống/lá (%).

- Thành phần hóa học chính: Hàm lượng (%) nicotin, protêin, đạm tổng số, glixit hòa tan, Clo (phân tích lá trung châu cấp II).

- Điểm bình hút cảm quan.

### 3.2. Khảo nghiệm sản xuất.

Khảo nghiệm sản xuất theo dõi các chỉ tiêu sau:

- Thời gian từ trồng đến thu hoạch lần đầu, lần cuối (ngày).

- Đặc điểm giống: Nhận xét về sinh trưởng, phát triển của giống, thời gian từ trồng đến ra nụ 10%, 90%, số lá kinh tế trên cây, kích thước trung bình lá, mức độ nhiễm sâu, bệnh hại và khả năng thích ứng với điều kiện địa phương nơi khảo nghiệm.

- Năng suất: Cân khối lượng thực thu trên diện tích khảo nghiệm, từ đó quy ra năng suất tạ/ha.

- Chất lượng thông qua phân cấp lá sấy, phân tích thành phần hóa học và bình hút cảm quan.

- Ý kiến người sản xuất thủ và người sử dụng đối với giống mới được khảo nghiệm.

### 4. Báo cáo và công bố kết quả khảo nghiệm.

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm của các điểm gửi về Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá để tổng hợp, trình lên Hội đồng khoa học của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam và Trung tâm khảo nghiệm

giống cây trồng Trung ương. Viện kinh tế kỹ thuật thuốc lá và Hội đồng khoa học Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam tổng hợp các vụ khảo nghiệm để báo cáo trước Hội đồng Khoa học công nghệ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đề nghị khu vực hóa hoặc công nhận giống quốc gia giống thuốc lá mới.

- Trung tâm khảo nghiệm giống cây trồng Trung ương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong quá trình khảo nghiệm và có ý kiến tư vấn cho Hội đồng Khoa học công nghệ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### Phụ lục 1

## KỸ THUẬT LÀM VƯỜN ƯƠM

### 1. Chọn đất:

- Đất có thành phần cơ giới nhẹ, tơi xốp, có độ pH từ 5,8-7, chủ động tưới tiêu nước.

- Đất vụ trước không trồng cây thuốc lá, cây họ cà, dưa chuột.

- Đất được chọn làm vườn ươm phải thoáng, đầy đủ ánh sáng.

### 2. Chuẩn bị đất:

Đất được cày lần 1 sâu từ 20 - 25cm, phơi ải trước khi gieo từ 3-4 tuần. Cày lần 2, bừa kỹ trước khi gieo 1 tuần, nhặt sạch cỏ dại.

- Lên luống: Rộng 1m, dài tùy thuộc vào diện tích khảo nghiệm, cao 30- 35cm, khoảng cách giữa hai luống là 40 - 50cm.

- Xử lý đất trước khi gieo từ 3 - 5 ngày bằng các dung dịch sau: 60g  $\text{CuSO}_4$  hoặc 50g Bassamid pha trong 20 lít nước tưới cho  $10\text{m}^2$  mặt luống.

### 3. Phân bón:

Lượng phân bón cho  $10\text{m}^2$  mặt luống.

- Phân hữu cơ vi sinh: 5kg.

- Sulfat amôn 100 - 200g (có thể thay bằng urê hoặc  $\text{NH}_4\text{NO}_3$ ).

- Supe lân: 400g.

- Sulfat kali: 150g.

Phân được rải và trộn đều với lớp đất mặt luống sâu từ 7 - 8cm.

### 4. Gieo hạt:

\* Thời vụ gieo:

- Các tỉnh phía Bắc:

Vụ Đông Xuân: gieo hạt từ trung tuần tháng 11 đến giữa tháng 12 để lấy cây giống trồng từ tháng 1 đến hết tháng 2.

Vụ Thu: gieo hạt từ trung tuần tháng 7 để có cây giống trồng từ 01-15 tháng 9.

- Các tỉnh phía Nam:

Vụ khô: gieo hạt từ cuối vụ mưa để lấy cây giống trồng trong tháng 11 đến đầu tháng 12.

Vụ mưa: gieo hạt từ cuối vụ khô để trồng vào đầu vụ mưa.

\* Lượng hạt gieo:

Lượng hạt gieo:  $1,0-1,5\text{g}/10\text{m}^2$  mặt luống (hạt giống có tỷ lệ nảy mầm > 85%).

\* Cách gieo:

Hạt được trộn với cát và gieo đều trên mặt luống. Sau khi gieo phủ lên mặt luống một lớp phân hữu cơ và tưới nước đủ ẩm.

### 5. Làm giàn che:

Hạt thuốc lá rất nhỏ nên nhất thiết phải làm giàn che. Sau khi cây mọc dỡ dần giàn che cho cây cứng cáp, nhưng phải dựng giàn che khi trời mưa to.

### 6. Chăm sóc cây con:

- Sau khi gieo, mỗi ngày tưới 2-3 lần cho đến khi hạt mọc đều. Sau đó tưới 1-2 lần/ngày. Hạn chế tưới nước trong khoảng 5-7 ngày trước khi nhổ cây cho vào bầu.

- Khi cây đã mọc, tỉa bớt cây ở những chỗ dày quá, nhỏ cỡ đại.

- Bón thúc: Dùng 50-70g urê, 10g K<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> pha trong 10 lít nước tưới cho 10m<sup>2</sup> vườn ươm. Tưới phân xong, dùng nước lã tưới rửa phân trên lá.

- Phòng trừ sâu bệnh: Dùng dung dịch Bordeaux 1%, Ridomil 0,1% để hạn chế bệnh nấm. Dùng Vifast 5NP, Sherpa 10EC, Decis 2,5EC, Sumidicin, Trebon để hạn chế sâu.

**7. Đưa cây con vào bầu và chăm sóc:**

- Khi cây con được 20 - 25 ngày tuổi, có từ 3 - 4 lá thật sẽ đưa cây vào bầu.

- Kích thước bầu: Φ = 9cm, chiều cao: 8-9 cm. Vật liệu làm bầu là màng mỏng PE.

- Đất làm bầu phải tơi xốp, nhiều mùn. Thông thường 1m<sup>3</sup> đất phù sa trộn thêm 5kg phân hóa hữu cơ, 60g CuSO<sub>4</sub> pha trong 20 lít nước tưới vào 1m<sup>3</sup> đất. Lượng phân bón trong 1kg đất làm bầu không quá: 0,12g N, 0,20 g K<sub>2</sub>O, 0,15 P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>. Trong thời gian đầu phải che nắng cho cây để cây bình phục nhanh, sau đó dỡ giàn che.

- Tưới thúc phân đạm nếu cây chậm phát triển.

- Khoảng 20 - 25 ngày sau khi vào bầu, cây cao từ 10 - 12cm, đường kính thân đạt 6 - 8mm, có 7 - 8 lá là cây đủ tiêu chuẩn đem trồng. Phun thuốc phòng trừ sâu bệnh trước khi đưa cây đi trồng.

*Phụ lục 2*

**CÁC CHỈ TIÊU ĐIỀU TRA SÂU BỆNH HẠI, KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN**

1. Mật độ sâu hại (con/cây) =  $\frac{\text{Tổng số sâu điều tra}}{\text{Tổng số cây điều tra}}$

2. Tỷ lệ cây bệnh (%) =  $\frac{\text{Tổng số cây bị bệnh}}{\text{Tổng số cây điều tra}} \times 100$

3. Tỷ lệ lá bị bệnh hại (%) =  $\frac{\text{Tổng số lá bị bệnh}}{\text{Tổng số lá điều tra}} \times 100$

4. Chỉ số bệnh hại (%) =  $\frac{\sum (\text{Tổng số lá bị hại ở cấp } i \times i)}{\text{Tổng số lá bị hại X cấp cao nhất}} \times 100$

5. Cách phân cấp bệnh hại.

Với bệnh hại lá, phân 9 cấp đánh giá theo diện tích vết bệnh trên lá.

- Cấp 0: hoàn toàn không bị bệnh.

- Cấp 1: dưới 1% diện tích lá bị bệnh.

- Cấp 3: >1-5% diện tích lá bị bệnh.

- Cấp 5: > 5-25% diện tích lá bị bệnh.

- Cấp 7: > 25-50% diện tích lá bị bệnh.

- Cấp 9: > 50% diện tích lá bị bệnh.

6. Tính chống đổ.

- Tốt: tất cả cây không bị đổ.

- Khá: > 50% số cây bị nghiêng nhẹ.

- Trung bình: ≥ 70% số cây bị nghiêng 30° so với chiều thẳng đứng.

- Kém: ≥ 70% số cây bị nghiêng 45° so với chiều thẳng đứng.

7. Gãy lá do mưa bão:

Tốt: không bị gãy.

Khá: Số lá gãy trên cây ≤ 1 lá.

Trung bình: Số lá gãy trên cây từ 1,5 - 2 lá.

Kém: Số lá gãy trên cây > 2 lá.

8. Ra hoa:

Ra hoa sớm: 10% số cây ra hoa trước 55 ngày sau khi trồng.

Ra hoa trung bình: 10% số cây ra hoa từ 55-70 ngày sau khi trồng.

Ra hoa muộn: 10% số cây ra hoa sau 70 ngày trồng.

096660089  
Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
LawSoft

## BẢNG PHÂN CẤP LÁ THUỐC LÁ VÀNG SẤY THEO VỊ BỘ

- Tên giống khảo nghiệm:
- Thời vụ khảo nghiệm:

Ký hiệu cấp	Đặc điểm bên ngoài
<b>Nhóm lá gốc (P)</b> Có từ 2 - 3 lá	
<b>P3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng, vàng nhạt, vàng phớt xanh hoặc vàng thẫm</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 30</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 15\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 15\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 15\%</math></li> <li>- Lá xốp, mỏng, dầu dẻo kém, đầu lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>P4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu nâu nhạt đến nâu</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 25</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 20\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 20\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 20\%</math></li> <li>- Lá xốp, mỏng, dầu dẻo kém, đầu lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>Nhóm lá nách dưới (X)</b> Có từ 3 - 4 lá	
<b>X1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng cam, vàng chanh</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 40</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 5\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 5\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 5\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo khá, đầu lá hơi rộng, phiến lá rộng hơn nhóm B</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>X2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng cam, vàng chanh</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 35</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 10\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 10\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 10\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo trung bình, đầu lá hơi rộng, phiến lá rộng hơn nhóm P</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>X3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng, vàng nhạt, vàng phớt xanh hoặc vàng thẫm</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 32</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 15\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 15\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 15\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo trung bình, đầu lá tù, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>X4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu nâu nhạt đến nâu và các màu như X3</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 30</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 20\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 20\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 20\%</math></li> <li>- Lá xốp, dầu dẻo kém, đầu lá tù, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>Nhóm lá giữa (C)</b> Có từ 4 - 6 lá	
<b>C1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng cam, vàng chanh</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 40</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 5\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 5\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 5\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo cao, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>C2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng cam, vàng chanh</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 35</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 10\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 10\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 10\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo cao, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>C3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng, vàng nhạt, vàng phớt xanh hoặc vàng thẫm và các màu như C2</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 35</math>cm</li> <li>- Mầu tạp <math>\leq 15\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 15\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 15\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo trung bình, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>

09660089

LawSoft - Tel: 84-6-3645 6684 - www.LuuVienPhapLuat.com

<b>C4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu nâu nhạt đến nâu và các màu như C3</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 30\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 20\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 20\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 20\%</math></li> <li>- Lá có độ dầu dẻo kém, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>Nhóm lá nách trên (B)</b>	
Có từ 3-4 lá	
<b>B1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng cam, vàng chanh</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 40\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 5\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 5\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 5\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo khá, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>B2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng cam, vàng chanh</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 35\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 10\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 10\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 10\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo khá, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>B3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng, vàng nhạt, vàng phớt xanh hoặc vàng thẫm và các màu như B2</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 35\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 15\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 15\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 15\%</math></li> <li>- Lá mịn, dầu dẻo trung bình, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>B4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu nâu nhạt đến nâu và các màu như B3</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 30\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 20\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 20\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 20\%</math></li> <li>- Lá có độ dầu dẻo kém, đầu lá trung bình, phiến lá rộng</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>Nhóm lá ngọn (T)</b>	
Có từ 2 - 3 lá	
<b>T2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng cam, vàng cam đỏ</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 35\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 10\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 10\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 10\%</math></li> <li>- Lá dày, dầu dẻo khá, đầu lá hẹp, phiến lá hẹp</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>T3</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu vàng, vàng phớt xanh đến vàng thẫm</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 30\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 15\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 15\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 15\%</math></li> <li>- Lá thô ráp, lá dày, dầu dẻo trung bình, đầu lá nhọn, phiến lá hẹp</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>T4</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lá màu nâu, nâu nhạt</li> <li>- Chiều dài lá <math>\geq 25\text{cm}</math></li> <li>- Màu tạp <math>\leq 20\%</math>, độ tổn thương cơ học <math>\leq 20\%</math>, sâu bệnh: <math>\leq 20\%</math></li> <li>- Lá thô ráp, dầu dẻo kém, đầu lá nhọn, phiến lá hẹp</li> <li>- Độ đồng đều lô thuốc đạt 90%</li> </ul>
<b>Nhóm tận dụng (M)</b>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các màu, trừ màu xanh, nâu đen</li> <li>- Các vị trí lá, có thể thái thành sợi</li> <li>- Độ tổn thương cơ học, sâu bệnh không quy định</li> <li>- Độ đồng đều không quy định</li> </ul>	

*Ghi chú:* Tỷ lệ lẫn cấp không quá 10% cấp dưới liền kề. Nếu trên 10% phải phân cấp lại, nếu không phân cấp lại sẽ hạ xuống một cấp liền kề trong nhóm.

Độ ẩm thanh toán:  $W = 13,5\%$ .

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ I - Bộ Quốc phòng